

Bản án số: 81/2021/HS-PT

Ngày: 22 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 646/2020/TLPT- HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2020/HSST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường V, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (đường R, phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Châu Kim H; có vợ: Trần Thị Viên và 2 con: Lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: 26-3-2020 (có mặt)

2. Đinh Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn Th và bà: Nguyễn Thị Ngọc A; có vợ: Từ Thị Minh Th và 01 con sinh năm 2006; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 07-4-2019, bị Công an huyện N phạt 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Nộp phạt ngày 3-7-2019 (BL. 636).

Bị tạm giữ, tạm giam: 26-3-2020 (có mặt)

3. Lê Quốc T2, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1991, tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn K và bà: Nguyễn Thị L; có vợ: Nguyễn Thị Bích Ngân; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13-10-2015, bị Công an xã N1 phạt 1.200.000đ về hành vi đánh bạc. Nộp phạt ngày 20-10-2015 (BL. 640, 646).

Bị tạm giữ, tạm giam: 27-3-2020 (có mặt)

4. Trần Lê N, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1988, tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: đường Tr, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Ch (chết) và bà: Lê Thị Kim L; có vợ: D Thị Trúc L và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam: 7-4-2020 (có mặt)

5. Nguyễn Phước Th, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1985, tại Long An; nơi cư trú: Ấp A, xã A1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (ấp L, xã M, huyện C1, tỉnh Long An); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Phước H (chết) và bà: Nguyễn Thị Nh (chết); có vợ: Trần Thị Thủy và 2 con: Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2004, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dục 18 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị tạm giữ, tạm giam: 27-3-2020 (có mặt)

6. Nguyễn Minh V, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Lô J, khu dân cư L, ấp 1, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà: Giang Thị Ch; có vợ: Nguyễn Bé Ng và 2 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 7-4-2019, bị Công an huyện N phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau. Nộp phạt ngày 3-7-2019 (BL. 636).

Nhân thân: Ngày 24-10-2012, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 12 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong ngày 30-8-2013 (BL. 638).

Bị tạm giữ, tạm giam: 26-3-2020 (có mặt)

7. Lê Tấn D, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu L và bà: Kiều Thị H; có vợ: Phạm Thị Thúy H và 2 con: Lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: 27-3-2020 (có mặt)

8. Nguyễn Bá A, sinh ngày 07 tháng 4 năm 1991, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Lê Thị Yến H; có vợ: Đỗ Thị Bích V và 2 con: Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18-9-2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 23-2-2015. Đã nộp án phí ngày 19-11-2014.

Bị tạm giữ, tạm giam: 26-3-2020 (có mặt)

9. Nguyễn Chí N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ch và bà: Trần Thị Bé H; có vợ: Trang Kim Q và 2 con: Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: 23-5-2020 (có mặt)

10. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1988, tại Bình Th; nơi cư trú: Thôn 5, xã S, huyện Đ, Bình Th; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Th (chết) và bà: Bùi Thị H; tiền án, tiền sự Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: 27-3-2020 (có mặt)

- Người bị hại:

1. D Bé B, sinh năm 1973; (vắng mặt)

2. Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau (đường số 5, khu dân cư A, khu vực 2, phường B, quận B1, thành phố Cần Thơ)

3. Nguyễn Quốc Tr1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 9 thôn L, xã T, thị xã

P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

4. Mai Hoàng Anh T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: đường Số 9, phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đăng H, Đồng Anh T và Nguyễn Thanh L – có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Kim L, sinh năm 1988; nơi cư trú: đường H, phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Nguyễn Tấn G, sinh năm 1985; nơi cư trú: khu phố 7, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Huỳnh Trung Ngh, sinh năm 1973; nơi cư trú: cư xá Ng, phường 17, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Đỗ Cẩm G1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

5. Lê Thị Thanh X, sinh năm 1944; nơi cư trú: đường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

6. Lý Hoàng K, sinh năm 1978; nơi cư trú Ấp P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Ngô Văn Thanh T5, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp 5, xã P1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

8. Nguyễn Tấn D1, sinh năm 1991; nơi cư trú: đường V, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (đường R, phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt)

9. Lê Minh T6, sinh năm 1956; nơi cư trú: khu dân cư A, khu vực 2, phường B, quận B1, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc T3 và D Bé B là vợ chồng. T3 có quốc tịch Pháp, đồng thời cũng có hộ chiếu Việt Nam.

Trong thời gian sống tại Bà Rịa - Vũng Tàu, B xưng là người được Cụ Nguyễn Trung Tr “nhập xác” và “mượn xác” để bán đồng đen (thiên thạch), để lấy tiền giúp đỡ người nghèo. B khoe đã thu được rất nhiều tiền và cho xem các bao đựng tiền đô la. B nói: “Muốn được hưởng nghĩa” thì phải cúng thật lớn. Khi được Cụ Nguyễn Trung Tr cho phép thì mới được sử dụng số tiền đã thu

được. Từ đó, B kêu gọi đóng góp tiền để tổ chức lễ cúng, rồi sau đó B sẽ chia tiền cho. B thường tới chùa T, ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, để cúng tế. Tại đây B đã làm quen và thuyết phục được Đại đức Thích Như Th và những người khác cùng đến cúng tế như: Nguyễn Văn T, Đinh Nguyễn Minh T1, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Minh V. Nguyễn Văn T đã vay tiền của Trần Lê N, Lê Quốc T2, Nguyễn Chí N, Nguyễn Bá A và Nguyễn Thanh H, để đưa cho B. B thuê biệt thự để ở và tổ chức lễ cúng linh đình. Những người giúp việc cho B gồm: Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Quốc Tr1 (là em của Quốc T3) và Mai Hoàng Anh T4.

Ngày 30-1-2020, do nghi ngờ B, nên Nguyễn Văn T cùng những người đã góp tiền để tổ chức lễ cúng như trên, đã mở các bao “đựng tiền” ra xem thì phát hiện chỉ có giấy đô la âm phủ. Những người này buộc B phải viết giấy nợ 20 tỷ đồng và hẹn trong vòng một tháng phải trả.

Tháng 02-2020, phát hiện nhóm của B đã đi khỏi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, T1 và Văn T đã truy tìm và biết được B đang ở trong nhà của ông Lê Minh T6, tại quận B1, thành phố Cần Thơ. Thông qua N, T1 và Văn T xác định được chính xác nơi ở của B: đường số 5, khu dân cư A, khu vực 2, phường B, quận B1, thành phố Cần Thơ. Ngày 24-3-2020, T1 đã làm đơn tố cáo, gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an. Ngày 25-3-2020, T1 và Văn T cùng nhóm người đã góp tiền đưa cho B, bàn tính kế hoạch đi Cần Thơ. Văn T nhờ N thuê dùm 2 xe ô tô, để bắt nhóm của B, đưa về Bộ Công an. Nên rủ thêm Trần Vũ L cùng đi.

Ngày 26-3-2020, Văn T đi một xe. T1 cùng đi với Th, D, V, A, Quốc T3, H và N trên 2 xe ô tô khác. Khoảng 7 giờ 20 phút, cả nhóm đến nơi, kêu mở cửa ra, nhưng không có ai ra mở. A leo qua rào, vào bên trong và khống chế Mai Hoàng Anh T4. H cũng leo rào, vào tiếp sức cho A. Sau đó, A dùng cục bê tông, đập phá ổ khóa cửa rào. Khi tất cả vào được bên trong, T1 và H cùng khống chế Anh T4. D và A lên lầu, khống chế Tr, đưa ra xe ô tô. Th, Quốc T3 và N tìm vợ chồng B. Quốc T3 đập phá cửa phòng, rồi cả nhóm khống chế vợ chồng B. B kháng cự nên T1 và H đến tiếp sức, khiêng B ra xe. Những người bị bắt giữ gồm: Vợ chồng B, Anh T4 và Tr.

Sau đó, A điều khiển xe ô tô biển số 65A-224.02. D điều khiển xe ô tô biển số 94A-033.59, chở nhóm của B về Thành phố Hồ Chí Minh.

Đỗ Cẩm G1 (Tr1) điều khiển xe ô tô, đuôi theo. Văn T chặn xe của G lại và yêu cầu G quay lại, lấy quần áo của nhóm bị bắt giữ, để mang theo. Đồng thời, Văn T kêu Nguyễn Tấn D1 lên xe, đi cùng với G.

Khi các xe đến chợ B, Thành phố Hồ Chí Minh, những người bị bắt giữ chuyển qua xe biển số 94A-033.59. Th, H, D và Quốc T3 chuyển qua xe biển số 65A-224.02, bỏ đi về. Khi đến trụ sở của Bộ Công an, các xe nói trên không

được phép vào. Trong thời gian chờ đợi, Lực lượng Cảnh sát Hình sự Công an thành phố Cần Thơ đến và giữ trong trường hợp khẩn cấp nhóm T1, A và V.

Văn T bị giữ khi đến địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 27-3-2020, Th, H, D và Quốc T3 đến Công an thành phố Cần Thơ đầu thú. N và Nên bị bắt sau đó.

Theo kết quả điều tra, tài sản của ông Lê Minh T6 bị hư hại gồm: ổ khóa bị hỏng hoàn toàn. Cửa nhựa bị hỏng. Chi phí sửa chữa là 50.000đ (BL. 25). Ông T6 không yêu cầu bồi thường thiệt hại (BL. 390).

D Bé B, Nguyễn Quốc T3 và Mai Hoàng Anh T4 không yêu cầu giám định thương tích (BL. 317, 319, 329, 337).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2020/HSST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Đinh Nguyễn Minh T1, Lê Quốc T2, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Bá A, Nguyễn Minh V, Lê Tấn D, Nguyễn Chí N, Nguyễn Thanh H và Trần Lê N phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”

Căn cứ vào các điểm a và đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Nguyễn Văn T 2 (hai) năm tù.
- Đinh Nguyễn Minh T1 2 (hai) năm tù.
- Lê Quốc T2 01 (một) năm tù.
- Nguyễn Minh V 01 (một) năm tù.
- Nguyễn Phước Th 01 (một) năm tù.
- Nguyễn Bá A 01 (một) năm tù.
- Trần Lê N 01 (một) năm tù.
- Nguyễn Thanh H 9 (chín) tháng tù.
- Lê Tấn D 9 (chín) tháng tù.
- Nguyễn Chí N 9 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù:

- Đối với các bị cáo: A, V, T1 và Văn T - tính từ 26 - 3 - 2020.
- Đối với các bị cáo: H, D, Th và Quốc T3 - tính từ 27 - 3 - 2020.
- Đối với bị cáo Nên - tính từ 23 - 5 - 2020.
- Đối với bị cáo N - tính từ 07 - 4 - 2020

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Trong các ngày 29/9/2020, 05-06/10/2020, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2, Trần Lê N, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Bá A, Nguyễn Chí N, Nguyễn Thanh H có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/10/2020, các bị hại D Bé B, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Quốc Tr1, Mai Hoàng Anh T4 có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của tất cả các bị cáo.

Đến ngày 12/10/2020, các bị cáo Nguyễn Phước Th, Nguyễn Bá A, Nguyễn Thanh H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 77, 78, 79/2020/TB-TA ngày 17/12/2020 về việc rút kháng cáo của các bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H, Th, A và những người bị hại đã rút yêu cầu kháng cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu này.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2, Trần Lê N và Nguyễn Chí N xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Mức án đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng và phù hợp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Phước Th, Nguyễn Bá A và Nguyễn Thanh H có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành các Thông báo về việc rút kháng cáo vào ngày 17/12/2020, vì vậy không xem xét đến nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị hại đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với các bị cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị hại là tự nguyện và không trái pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc

thảm đối với yêu cầu của bị hại.

[2] Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn T và Đinh Nguyễn Minh T1 đã rủ rê, tập hợp các bị cáo khác đi tìm và bắt các bị hại, rồi đưa đến Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho cơ quan công an, vì cho rằng phía bị hại là bà B đã vay tiền nhưng không trả và đã bỏ trốn về Cần Thơ. Hành vi này của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến khách thể là quyền tự do đi lại, thân thể và danh dự của công dân. Các bị cáo đã bắt giữ 4 người bị hại. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại các điểm a, đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khi xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo thấy rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo có yêu cầu kháng cáo là bị cáo Nên 09 tháng tù và bị cáo N mức hình phạt 01 năm tù là phù hợp, cũng như mức hình phạt của bị cáo Lê Quốc T2 và các bị cáo không kháng cáo gồm Nguyễn Minh V, Nguyễn Phước Th, Lê Tấn D, Nguyễn Bá A và bị cáo Nguyễn Thanh H là phù hợp.

Riêng đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T thấy rằng: Ở trường hợp này, vì cho rằng người bị hại B đã nợ bị cáo tiền, nhưng không trả, nên bị cáo đã rủ rê các bị cáo khác đi tìm và bắt giữ người bị hại với mục đích đưa về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra T78. Thực tế trước khi đi tìm bị hại, các bị cáo đã làm đơn báo cơ quan công an. Hành vi này rõ ràng là trái pháp luật, tuy nhiên có xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, có xem xét đến nhân thân bị cáo thuộc thành phần gia đình có công với cách mạng, phía người bị hại cũng có lỗi dẫn đến việc bị cáo bức xúc mà thực hiện hành vi trái pháp luật, quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo luôn thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội ăn năn hối cải.

Đối với bị cáo Đinh Nguyễn Minh T1 mặc dù không có yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo này bị xử phạt mức án ngang với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Văn T, để đảm bảo sự công bằng về hình phạt, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo này.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các bị cáo Quốc T3, N và Nên phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại D Bé B, Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Quốc Tr1 và Mai Hoàng Anh T4. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc T2, Trần Lê N và Nguyễn Chí N; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Đinh Nguyễn Minh T1, Lê Quốc T2, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Bá A, Nguyễn Minh V, Lê Tấn D, Nguyễn Chí N, Nguyễn Thanh H và Trần Lê N phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”

Căn cứ vào các điểm a và đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/03/2020.

- Đinh Nguyễn Minh T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/03/2020.

- Lê Quốc T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/03/2020.

- Trần Lê N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/4/2020.

- Nguyễn Chí N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/5/2020.

Tiếp tục giam giữ các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Lê Quốc T2, Trần Lê N và Nguyễn Chí N phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Đinh Ngọc Thu Hương

Phạm Công Mười